

## **Cùng bạn đọc**

*Liên tiếp trong hai số báo vừa qua, chuyên đề **Chính sách, Môi trường và Phát triển cộng đồng** đã từng bước giới thiệu một số nghiên cứu về tộc người Mã Liềng, bắt đầu từ một số biểu hiện trong lĩnh vực lĩnh vực văn hoá truyền thống, thông qua những sinh hoạt thường ngày của họ. Đây cũng chính là những biểu hiện của đời sống tâm linh đã tồn tại trong cộng đồng Mã Liềng từ bao đời nay để tạo nên sức mạnh kết nối từng con người, từng gia đình lại với nhau thành một khối thống nhất, cùng nhau vượt qua bao gian nan trong cuộc mưu sinh giữa đại ngàn đầy nghiệt ngã và bất trắc này. Những kết quả nghiên cứu này cũng cho phép khẳng định cho đến ngày hôm nay, chỉ riêng sự có mặt của người Mã Liềng trong bức tranh đa dạng và đầy sinh động của cộng đồng các dân tộc anh em dưới chân dãy Trường Sơn hùng vĩ nói riêng, và trên suốt dải đất hình chữ S nói chung này, cùng với những biểu hiện hết sức riêng biệt và độc đáo trong đời sống vật chất cũng như tinh thần của họ, đã là kết tinh của cả một quá trình tự lựa chọn, tự đào thải đến thành tối giản và trở thành một trong số những biểu hiện không thể thiếu được làm nên sự khác biệt giữa tộc người Mã Liềng với các dân tộc khác. Nói một cách khác, tất cả những giá trị tinh thần mà người Mã Liềng còn lưu giữ được đến hôm nay đã thực sự khẳng định bản sắc văn hoá của họ, góp phần cùng với các dân tộc anh em khác làm nên sự phong phú của văn hoá Việt Nam và trở thành mục tiêu mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang có những quyết sách để bảo tồn...*

*Tuy nhiên, để hướng tới một sự hội nhập trong quá trình phát triển theo xu hướng tất yếu mà vẫn không làm mất đi những giá trị đã tạo nên sự khác biệt, yếu tố quan trọng hình thành khái niệm đa dạng của văn hoá, thì việc chỉ ra những nguy cơ đối với nó là điều vô cùng cần thiết, nhất là trong bối cảnh tốc độ phát triển của kinh tế và xã hội đang ngày càng mạnh mẽ như hiện nay. Có thể những lời cảnh báo mà chúng tôi đã đưa ra vẫn còn hơi sớm, có thể cách đề cập còn có chút gì hơi gay gắt; song điều cơ bản và cần được thể tất chính là ở tâm huyết và tình cảm của những người làm chuyên đề này đối với văn hoá và đối với cộng đồng. Nếu như một giá trị vật chất nào đó đang có nguy cơ bị mất đi, đó là điều có thể nhìn thấy, có thể định lượng được. Nhưng nếu một giá trị phi vật chất đang đứng trước nguy cơ như vậy, nguy cơ bị mai một, nguy cơ bị lãng quên, thì đó mới thực sự là điều đáng sợ. Thậm chí nhiều khi đến lúc có những giá trị đã thực sự không còn nữa, người ta mới nhận ra bởi sự thiếu hụt, bởi sự trống trải không gì bù đắp nổi... Để tiên liệu được những điều như vậy, năng lực, kiến thức, kinh nghiệm... nhiều khi không phải là tất cả. Vẫn còn cần đến một chút gì đó như là sự nhạy cảm trời cho vậy. Và điều chúng tôi muốn làm chia sẻ với bạn đọc chút nhạy cảm ấy...*

*Cảnh báo, nhưng không phải với một thái độ lạnh lùng, ngoài cuộc. Điều mà chúng tôi muốn đạt đến là sẽ cùng chung vai với hết thảy những người có tình yêu, có tâm huyết, có trách nhiệm với sự phát triển một cách bền vững và toàn diện của cộng đồng các dân tộc thiểu số nói chung, và cộng đồng người Mã Liềng nói riêng, để hướng về một tương lai tươi đẹp. Chính vì lẽ đó mà tiếp tục trong chuyên đề này, bằng tất cả những gì đã thu lượm được từ khi đến với người Mã Liềng tới nay, chúng tôi lại xin được kể tiếp những câu chuyện liên quan đến Mã Liềng...*

**Chuyên đề CS, MT&PTCD**

## **Vị thế của già làng trong đời sống cộng đồng**

Sinh thái nhân văn theo quan niệm của TEW, CHESH, CIRD nhìn mỗi tương quan giữa con người với tự nhiên theo cấu trúc của các vòng tròn, trong đó có các nhân giá trị, là yếu tố có ý nghĩa quyết định bản chất của cả hệ thống. Nếu như trong Hệ sinh thái, nhân giá trị phụ thuộc vào khái niệm được gọi là Sinh vật trung tâm, thì đối với Hệ nhân văn, nhân giá trị chính là toàn bộ niềm tin, tín ngưỡng và các chuẩn mực đạo đức của cộng đồng. Những giá trị này hình thành nên cấu trúc của cộng đồng về mặt xã hội, cùng với hệ thống phong tục tập quán, và sau đó được biểu hiện ra bên ngoài thông qua một loạt những quy định về cách ăn mặc, kiến trúc nhà cửa, vị trí làng bản cũng như các biểu hiện vật chất khác. Từ những biểu hiện bên ngoài này, người ta có thể nhìn ngược lại những yếu tố hình thành nên sự bền vững của cấu trúc cộng đồng, và rồi từ đó xác định nhân giá trị của cả hệ nhân văn đó.

Theo mô hình trên, có thể thấy nhân giá trị của một cộng đồng, hay nói một cách khác, là hệ thống tín ngưỡng và những chuẩn mực đạo đức của cộng đồng đó chính là những yếu tố có vai trò quyết định tới hết thảy những biểu hiện về mặt văn hoá cũng như xã hội trong đời sống cộng đồng đó. Nhưng ngược lại, nó cũng hoàn toàn có thể bị tổn thương từ những tác động ngược chiều, từ bên ngoài vào, thông qua các yếu tố luôn phải cọ xát với những môi trường văn hoá khác. Một ngôi làng bị di chuyển, một mẫu trang phục, một nhạc cụ bị mất đi, một điệu kiêng kỵ không còn được tôn trọng... hoàn toàn có thể làm thay đổi niềm tin cùng với những chuẩn mực đạo đức của cộng đồng đó, khiến nó không còn nguyên giá trị ban đầu. Mà đây chính là yếu tố làm nên sự khác biệt giữa các tộc người, làm nên sự phong phú, đa dạng về mặt văn hoá của cả một quốc gia...

Nhân giá trị có vai trò to lớn như vậy trong sự tồn vong của mỗi cộng đồng dân tộc, được hình thành và nuôi dưỡng từ bao đời cho đến nay, mà tất cả những gì chúng ta đang nhìn thấy chỉ là những yếu tố đơn giản nhất được biểu hiện ra bên ngoài. Vậy ai là người nuôi dưỡng và bảo tồn nó? Câu trả lời không gì khác là chính từng thành viên trong cộng đồng phải luôn có trách nhiệm đó, và người thay mặt toàn thể cộng đồng để nâng niu từng giờ, từng phút đối với những giá trị này chính là các già làng. Có thể hình dung vị thế của già làng chính là trung tâm của nhân giá trị trong toàn bộ hệ nhân văn của mỗi cộng đồng, có vai trò quyết định mọi mặt cả trong đời sống vật chất cũng như tinh thần, đặc biệt là đời sống tinh thần của mỗi cộng đồng dân tộc. Là người lưu giữ bản sắc văn hoá của dân tộc mình mà không ai có thể tự ý thay thế được

## **Vai trò của già làng trong sự phát triển bền vững của cộng đồng**

Không phải chỉ đối với riêng người Mã Liềng, mà tất cả các dân tộc khác cũng đều như vậy, trong đời sống cộng đồng, vai trò của các Già làng có một vị trí và chức năng vô cùng quan trọng. Ở mỗi làng bản, nếu như thầy cúng là người nắm giữ một phần vốn văn hoá tâm linh, có nhiệm vụ thay mặt cộng đồng để câu thông với các đấng thần linh trong hệ thống tín ngưỡng của mỗi dân tộc, còn Trưởng bản (Trưởng thôn) là người thay mặt cho chính quyền để chăm lo đời sống vật chất, văn hoá của cộng đồng, do cộng đồng tín nhiệm bầu nên và được chính quyền chấp nhận; thì Già làng lại là người duy trì và phát huy các giá trị đạo đức, tinh thần không gì có thể thay thế được của cả cộng đồng. Trong vị thế của già làng vừa có nhiệm vụ của người lãnh đạo tinh thần, lại vừa có vai trò của người cầm cân nảy mực trong mọi mặt của cuộc sống. Để có được vị thế đó, mỗi vị già làng vừa phải là người có kinh nghiệm, đặc biệt là kinh nghiệm ứng xử với thiên nhiên, vừa phải là người có trách nhiệm đối với cộng đồng, và hơn hết là phải có được sự tôn trọng của tất cả mọi người. Điều này cũng đồng thời là sự biểu hiện của một nhu cầu tâm linh trong mỗi dân tộc, và là một nét đẹp trong văn hoá ứng xử của người Việt Nam nói chung...

Trải qua nhiều thế hệ, khái niệm Già Làng đã tự nó ngày càng trở nên sâu sắc và bao hàm đầy đủ những ý nghĩa như vừa nói ở trên. Không chỉ có vậy, về sau này, hai từ Già Làng đã có thêm những nội hàm mới, người ta dùng để chỉ những bậc cao niên với một thái độ thành kính, trân trọng mà ai cũng có thể cảm nhận được, không phải chỉ trong phạm vi mỗi làng bản...

*Vị trí của già làng trong cộng đồng là hết sức to lớn. Tuy nhiên chỉ cần nhìn từ khía cạnh ngôn ngữ, cũng có thể thấy rất rõ rằng Già Làng là tập hợp của ít nhất hai khái niệm: Cá nhân (Già) với những tiêu chuẩn nghiêm ngặt (Tuổi tác, kinh nghiệm, tín nhiệm...) và Tập thể (Làng). Thiếu đi một trong những yếu tố này, khái niệm sẽ hoàn toàn mất đi ý nghĩa của nó. Nói cách khác, Già Làng cần được hiểu với ý nghĩa là một mối tương quan thích hợp, chứ không phải chỉ là một nhân vật cụ thể. Một cá nhân; cho dù cá nhân đó có nhiều kinh nghiệm, có nhiều kiến thức đến đâu đi chăng nữa, nhưng nếu tách ra khỏi làng, tách khỏi cộng đồng, thì họ không thể trở thành Già làng được. Ngược lại, cũng có những trường hợp do nhiều lý do khách quan, một mối tương quan được thiết lập giữa cộng đồng với một cá nhân. Song cá nhân đó không khẳng định được vị thế của mình trước cộng đồng, không nắm giữ được các nhân giá trị trong cấu trúc xã hội và không được cộng đồng tín nhiệm; Khi đó mối tương quan này cũng không thể hình thành nên khái niệm Già Làng với đúng ý nghĩa của vị trí này.*

Với cách nghĩ, cách hiểu về già làng như vậy, trong một chuyến công tác cách đây khá lâu, tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi lần đầu tiên tiếp cận một khái niệm mới. Khái niệm Trẻ hoá Già làng. Đây là một chủ trương, một biện pháp hay là một thực trạng trong cộng đồng các dân tộc, điều đó sẽ bàn ở phần sau. Song nhà thơ Văn Công Hùng ở Hội Văn Nghệ Gia Lai, người đã dẫn ra khái niệm trên thì khẳng định: *Nói như vậy là không chuẩn. Theo tôi, đã gọi là Già làng thì tiêu chuẩn đầu tiên là phải già đã...*

Già làng tất nhiên phải là bậc cao niên. Điều đó không có gì phải bàn cãi. Nhưng việc Trẻ hoá những bậc cao niên này trong khái niệm nói trên hoàn toàn không phải là một chỉ số cho thấy tuổi thọ trung bình của người dân ở đây đã bị giảm đi, đến mức vị trí của một người già trong cộng đồng cũng phải do một người ít tuổi đảm nhiệm. Thực tế cho thấy trong các cộng đồng có những vị Già làng Trẻ nói trên, vẫn còn những người lớn tuổi hơn rất nhiều, và đây chính là điều phải suy nghĩ. Phải chăng khi niềm tin và những giá trị đạo đức truyền thống trong cộng đồng bị bỏ ngỏ, vị trí của những già làng không còn được trân trọng, thì người ta cũng sẽ dễ dàng chấp nhận mọi sự tác động từ bên ngoài mà không cần quan tâm đến hệ lụy của nó; và kết quả là những Già làng trẻ được chỉ định, được dựng lên chẳng qua cũng chỉ là những giải pháp mà tình thế bắt buộc?....

*Một người chưa phải là nhiều tuổi được đặt vào vị trí Già làng là cách làm khiên cưỡng, không phải chỉ với người được lựa chọn, mà với cộng đồng, đó là một sự coi thường, còn với những người già thực sự thì đó là một sự xúc phạm. Tuy nhiên, thông qua hiện tượng này, ta có thể nhìn thấy cả mặt tích cực và mặt tiêu cực của nó.*

*Về mặt tích cực: Những người đưa ra chủ trương này ít nhiều cũng đã nhận thấy vai trò của Già làng là hết sức quan trọng trong đời sống của cộng đồng. Chính vì vậy mà họ đã có ý thức để kết hợp với những người ở vị trí này để thực hiện mục tiêu của mình*

*Về mặt tiêu cực: Chủ trương Trẻ hoá già làng không nhìn ra mối tương quan giữa cá nhân với cộng đồng trong khái niệm Già làng, mà chỉ coi Già làng là một nhân vật cụ thể. Già làng càng trẻ, càng có sức khoẻ, càng dễ quán triệt được các chủ trương và mục tiêu của chính quyền thì sẽ càng phát huy hiệu quả. Đây là một cách tư duy hoàn toàn sai lầm, nó bỏ qua yếu tố tinh thần của cộng đồng mà chỉ tập trung vào yếu tố vật chất. Nhầm lẫn Già làng với trưởng bản, làm sai lệch những chuẩn mực giá trị trong cộng đồng.*

*Và kết quả của việc cưỡng lại quy luật này không chỉ là đã sinh ra những lực cản trong quá trình phát triển, mà còn làm rạn vỡ nhiều mối liên kết truyền thống trong cấu trúc xã hội...*

Việc đánh giá một cách thiếu toàn diện và căn bản vai trò của Già làng trong cộng đồng đã dẫn đến chủ trương Trẻ hoá Già làng như đã nói ở trên. Tuy nhiên đây mới chỉ là một trong nhiều biểu hiện của việc làm ít nhiều mang tính áp đặt chủ quan, là chỉ định những người nắm giữ vị trí này trong cộng đồng mà chúng ta có thể bắt gặp ở nhiều nơi khác. Tuy chưa phải là tình trạng phổ biến, nhưng sự khác biệt trong đời sống, đặc biệt là đời sống tinh thần, theo chiều hướng xấu ở những nơi như vậy là điều rất dễ nhận thấy...

Trở lại câu chuyện về người Mã Liêng ở bản Kè; Theo nghiên cứu của Trung tâm CIRD tháng 1/1999, già Cao Thân (lúc đó còn sống) như cây đại thụ, có uy tín rất lớn đối với cộng đồng. Già là chủ *Lẽ com mới*, cúng ma rừng để cảm ơn thần rừng cho lúa và cuộc sống no ấm. Các sinh hoạt cộng đồng được tổ chức tập trung ngay tại nhà già làng. Già làng đóng vai trò quan trọng để quyết định dời bản hay không. Những năm 1996 – 1998, lãnh đạo địa phương và Chương trình Định canh định cư đã có ý định chuyển nơi ở hiện tại của bản Kè sang phía đông bắc sông Rào Cái để dân ở gần đường Hồ Chí Minh, tiện đi ra trung tâm xã cũng

như xây dựng các cơ sở hạ tầng (kéo điện vào). Một số người dân (kể cả ông Cao Ké, em của già Cao Thân) cũng muốn chuyển bản. Lúc đó, bài học từ bản Chuối, một bản Mã Liềng đã được quy hoạch lại theo dự án của Nhà nước, cũng chưa được rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc, nhiều người chưa nhận ra được những ảnh hưởng sâu sắc đến tổ chức cộng đồng và những giá trị đạo đức, văn hoá của người Mã Liềng nếu di chuyển bản ra gần thị trường buôn bán, nên ý kiến của già Cao Thân chỉ là thiểu số...

*Cần nói thêm rằng bản Chuối là một bản thuộc xã Lâm Hoá, trước kia cũng sinh hoạt và sản xuất như bản Kè, nhưng được Chương trình Định canh định cư đầu tư nhiều tiền của để di chuyển từ rừng sâu ra gần đường Hồ Chí Minh từ năm 1992. Sau mấy năm, 18 hộ dân được làm nhà mới, có ruộng lúa, trường học, trạm Parabol phát sóng vô tuyến, được cấp gạo trợ cấp thường xuyên... đã không còn thiết tha với cuộc sống nơi đây. Theo phỏng vấn sâu một số người lớn tuổi thì người ta làm hoàn chỉnh nhà cho đồng bào, dân chỉ việc chuyển đến ở trong khi không tính đến những niềm tin, tín ngưỡng, tập quán, kiêng kỵ của đồng bào. Dân không biết cột ma, cột của chú rề được chọn, làm ra sao; không biết dựng nhà có được ngày tốt hay không... Người Mã Liềng khi đến nhà mới phải làm lễ, cảm mọi người nhòm ngó, ra vào buông thiêng. Lập bàn thờ cũng cần kiêng đến 7 ngày không cho phép ai vào nhà. Nhưng khi di chuyển ra phía ngoài, có nhiều người không hiểu phong tục Mã Liềng đã đến nhà đồng bào vào những dịp này và đã vi phạm vào những điều cấm kỵ, vốn được coi là linh thiêng, xưa nay bất khả xâm phạm. Chính vì vậy có cụ già ở đây đã nói: “không ở được nơi đây vì ồn ào (mất trật tự) quá”...*

Thật may mắn cho bản Kè khi cho đến tận thời điểm đó, vai trò của Già làng vẫn còn được hết sức tôn trọng, và ý kiến của già Cao Thân vẫn được coi là có tính chất quyết định đối với cộng đồng. Già Cao Thân cũng lại là người thấu hiểu vấn đề và đã thiết tha đề nghị cán bộ địa phương hãy giữ lại bản Kè ở lại vị trí hiện tại. Mong muốn này của già Thân còn nung nấu mãi cho đến khi già qua đời (năm 2001). Đúng lúc bà con đang dao động giữa hai luồng ý kiến ở hay đi, thì lãnh đạo huyện Tuyên Hoá và lãnh đạo Trung tâm CIRD đã đến khảo sát tại bản năm 1998 và đi đến khẳng định: cần tôn trọng ước nguyện của già Thân, người trụ cột và có nhiều tri thức nhất, và cũng là đại diện lúc đó của cộng đồng. Một kế hoạch phối hợp hành động giữa bản, chính quyền địa phương và trung tâm CIRD được xây dựng với quyết tâm hỗ trợ phát triển bản Kè ngay tại nơi họ đang sống.

*Không phải vô cơ mà cộng đồng Mã Liềng bản Kè đã chọn địa điểm dừng chân tại vị trí như hiện nay trong chặng đường mưu sinh của họ. Điều kiện tự nhiên, điều kiện canh tác cũng như sinh hoạt chỉ là một trong nhiều yếu tố để đảm bảo cho sự lựa chọn đó. Ngoài ra còn có các yếu tố thuộc về lĩnh vực tâm linh cùng với những mục đích đối với việc giáo dục truyền thống cho các thế hệ kế tiếp, điều mà những vị già làng có trách nhiệm duy trì và chỉ họ mới thấu hiểu được. Chủ trương đời bản bắt đầu từ một mục đích tốt đẹp là tạo điều kiện cho người dân bản Kè có được một cuộc sống thuận lợi hơn, và chính vì vậy mà nó đã phần nào giành được sự ủng hộ của nhiều đối tượng có trách nhiệm, có tình cảm đối với đồng bào, thậm chí ngay cả chính những người dân bản Kè ban đầu cũng rất hào hứng đối với chủ trương này. Tuy nhiên, đằng sau sự thuận lợi trước mắt sẽ là vô số những bất cập như đã phân tích ở các chuyên đề trước. Nguyên vọng của già Cao Thân khi đó không đơn giản chỉ là kinh nghiệm và trách nhiệm của một già làng đối với một cộng đồng cụ thể là người Mã Liềng bản Kè, mà nhìn xa hơn nữa, điều này một lần nữa khẳng định vai trò của già làng nói chung trong đời sống cộng đồng, không phải chỉ đối với truyền thống, đối với quá khứ, mà còn đối với tương lai, đối với sự trường tồn và phát triển của cộng đồng đó nữa...*

Chương trình của CIRD trong giai đoạn đầu đã tập trung vào ổn định cuộc sống tại nơi ở hiện tại. Bà con đã tự tổ chức sửa lại đường đi, quy hoạch bản và giãn dân. Các tập huấn thực hành làm vườn dinh dưỡng, vệ sinh thôn bản và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, xây dựng vườn hộ và trồng cây ăn quả lần lượt được tiến hành ngay tại bản. Bà con đồng thời được cử những người nòng cốt đi tập huấn kỹ thuật chăn nuôi nâng cao ở Đồng Lê tham quan học tập cách làm vườn, giao lưu văn hoá với dân tộc Xinh Mun ở Yên Châu (Sơn La) và người Dao ở Ba Vì (Hà Tây). Chương trình giao đất giao rừng với những trao đổi về chính sách đất đai, quản lý sử dụng rừng một lần nữa giúp người dân hiểu hơn giá trị của tài nguyên rừng, đất, nước đồng thời khẳng định quyền pháp lý của người dân được sử dụng mảnh đất mà họ đang sống, sản xuất. Tiếp đó chương trình xây dựng hệ thống nước tự chảy với 3 điểm cấp nước sạch trong bản đã cải thiện rõ rệt điều kiện chăm sóc sức khỏe của bà con. Từ nhiều tác động khác nhau, bà con đã thực sự ổn định cuộc sống và xây dựng được một số mô hình làm vườn điểm ở bản.

*Tất nhiên đối với trường hợp bản Kè, ngoài vai trò của Già làng như đã phân tích, thì trước sự thành công của một dự án phát triển cộng đồng như hiện nay, còn có hai điều không thể không nói đến:*

- Thứ nhất là sự đúng đắn của một phương pháp tiếp cận cộng đồng mà trung tâm CIRD đã thực hiện ở đây. Từ phương pháp này, tất cả những yếu tố văn hoá, tinh thần trong cộng đồng mà vị già làng khả kính Cao Thân đang là người nắm giữ đã được phát hiện, được lấy đó làm cơ sở để khơi dậy sức mạng cộng đồng, thực hiện những công việc tiếp theo một cách hiệu quả.

- Thứ hai là sự ủng hộ của chính quyền địa phương, ngay từ những bước đi ban đầu. Xuất phát từ mối quan tâm sẵn có đối với người dân bản Kè, và một quan điểm cởi mở, khoa học, chính quyền huyện Tuyên Hoá thực sự đã trở thành bà đỡ cho dự án ngay từ khi mới hình thành, trở thành người tạo điều kiện đắc lực trong suốt quá trình thực hiện. Có thể nói môi trường và cơ hội mà chính quyền huyện Tuyên Hoá đã tạo ra thực sự là yếu tố không thể thiếu được đối với sự thành công của dự án này.

## **Hội đồng già làng, một sự sáng tạo từ truyền thống**

Cho đến giờ người Mã Liềng vẫn sống trong những ngôi nhà đơn sơ được xây dựng bằng các vật liệu của rừng, và được dựng lên từ các dụng cụ đơn giản như dao, rựa. Nhà nhỏ, hẹp, chỉ đủ che mưa, che nắng cho người và các đồ dùng lương thực, thực phẩm cần thiết. Mặc dù vậy, nhưng ngôi nhà vẫn là nơi chứa đựng những giá trị truyền thống và tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của luật tục Mã Liềng. Những nét văn hoá đặc sắc về niềm tin, chuẩn mực đạo đức đều chứa đựng trong những ngôi nhà sàn đơn sơ này.

Từ những kết quả nghiên cứu thông qua phương pháp tiếp cận cộng đồng của mình tại bản Kè, xã Lâm Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, Trung tâm Nghiên cứu kiến thức bản địa và Phát triển - CIRD đã hình thành nên một chương trình Phát triển cộng đồng dựa trên cơ sở tôn trọng bản sắc văn hoá và kiến thức bản địa của tộc người Mã Liềng tại đây, với mục tiêu trước mắt là tạo nên một làng sinh thái nhân văn tộc người Mã Liềng, lấy đó làm cơ sở để có chiến lược lâu dài đối với mục tiêu bảo tồn và phát triển tộc người Mã Liềng trên cơ sở bền vững và toàn diện, bắt nhịp được với cuộc sống hiện tại mà vẫn giữ được những giá trị văn hoá đặc sắc của mình, đồng thời bảo vệ vững chắc nguồn tài nguyên thiên nhiên trong khu vực. Để có thể thực hiện trọn vẹn những khát vọng tốt đẹp đó, việc khơi dậy và phát huy những sức mạnh tiềm tàng của cộng đồng, mà hạt nhân nòng cốt, nền tảng tinh thần của những giá trị văn hoá chính là các già làng, là vấn đề được đặt lên hàng đầu.



Già làng Cao Thân, biểu tượng tập trung của tinh thần đoàn kết, lưu giữ các giá trị truyền thống của cộng đồng mất đi (năm 2001) tạo nên khoảng trống tinh thần của dân bản, mà những người già còn lại chưa bù đắp được. Trước kia dân bản thường tập trung ở nhà già Thân vào các lễ hội, khi có việc lớn. Đến nay khó tìm ra người có uy tín nổi trội như già Thân ngày xưa. Trong khi các tác động thị trường và người ngoài vào cộng đồng ngày càng gia tăng, người dân bản Kè khi đó mặc dù đã tự tin hơn, nhưng vẫn còn những điểm chưa đủ mạnh để gạt đục khơi trong những tác động từ ngoài, giúp ích cho sự phát triển của mình, các giá trị văn hoá truyền thống của người Mã Liềng bị tổn thương trên hai khía cạnh: mất dần bản sắc hoặc bị pha tạp với các nền văn hoá khác; thì việc hình thành nên một Hội đồng già làng, bao gồm những bậc cao niên của các dòng họ trong bản lại, cùng đảm đương công việc thực sự là một sáng tạo. Vượt qua ý nghĩa là một giải pháp tình thế, Hội đồng già làng bản Kè ngày càng phát huy tác dụng và sức mạnh của cộng đồng trong nhiều hoạt động về sau này, đặc biệt là trong việc khôi phục lại những ngôi nhà truyền thống, biểu hiện vật chất của tôn ti trật tự và nền nếp ứng xử văn hoá của người Mã Liềng trong chương trình Ngói hoá bản Kè...

*Chương trình Ngói hoá có mục đích đảm bảo cho người dân bản Kè có chỗ ở lâu bền, phù hợp với phong tục tập quán của người Mã Liềng và qua đó cũng bồi dưỡng cho họ những kiến thức về lao động tập thể, củng cố tinh thần đoàn kết cộng đồng để làm cơ sở cho các bước phát triển tiếp theo.*

Tính đến tháng 7/2003, bản Kè có 36 hộ và 136 nhân khẩu. Trong bản có 31 nóc nhà, thì toàn bộ số nhà đó đều là nhà sàn, làm đơn giản với cột chôn dưới đất, được liên kết với kèo, xà bằng cách buộc dây mây, mái lợp bằng lá cọ. Diện tích nhà trung bình là 30m<sup>2</sup>. Trong số đó có 2 hộ đã tự thung gỗ đơn giản xung quanh nhà, còn lại thưng bằng phên nứa, thậm chí có đến 12 nhà đã xuống cấp hoặc ở tình trạng sửa chữa dở dang với phên che đã rách nát hoặc không có phên che, sàn nhà bị gãy nan, mái bị thủng, dột. Có gia đình đã không dám cho con ở nhà mà phải chạy sang nhà khác ở nhờ mỗi khi có mưa to gió lớn.

Mặc dù tất cả các hộ gia đình trong bản đều muốn làm lại nhà cho vững chắc, đẹp để ở, nhưng họ vẫn ở tình trạng “lực bất tòng tâm”. Bà con đang phải đối mặt trực tiếp với đói, rét, và ưu tiên hàng đầu vẫn là bảo đảm đủ lương thực. Vì thế không có gia đình nào có khả năng tự nâng cấp, làm nhà mới. Chương trình “Xoá mái tranh cho hộ nghèo” được UBND tỉnh Quảng Bình phát động từ đầu năm 2003. Đồng bào Mã Liềng ở bản Kè đều có nguyện vọng được làm mới, nâng cấp nhà, nhưng theo hướng giữ gìn được nét truyền thống của ngôi nhà sàn. Trong

trường hợp này, họ đã thể hiện ước muốn sâu xa là dù được hỗ trợ thế nào thì cũng vẫn phải giữ được nét đẹp riêng mà ông cha đã để lại cho họ.

Một vấn đề đặt ra là năng lực tổ chức cộng đồng và truyền thống người Mã Liềng vốn có tinh thần giúp nhau, đôi công làm nương rẫy, chia sẻ ngô sắn mỗi khi giáp hạt, thiếu đói, thì nay cũng có thể giúp nhau làm nhà. Nhưng tinh thần này đang có nguy cơ bị phai nhạt, người già mất dần khả năng dạy dỗ con cháu. Với hiện trạng như trên, nếu không có tác động tích cực, hỗ trợ đúng hướng thì người dân khó đoàn kết lại, tự tổ chức giúp nhau làm nhà cũng như bất kỳ công việc cộng đồng nào khác.

Kế thừa các giá trị truyền thống không có nghĩa là giữ nguyên như cũ, mà sự kế thừa cần có tính sáng tạo để phù hợp với điều kiện cụ thể của người Mã Liềng ở bản Kè. Vì thế việc thành lập Hội đồng già làng là vấn đề mới, nhưng xuất phát từ nhu cầu khách quan ở bản Kè. Hiện nay tìm cách khôi phục lại vai trò, uy tín của một già làng theo truyền thống là việc làm không thực tế vì không ai có thể đảm nhận được. Hội đồng già làng bao gồm những người cao tuổi, có kinh nghiệm, có uy tín, đại diện cho các dòng họ khác nhau ở bản Kè. Vì vậy Hội đồng sẽ là đại diện cho tiếng nói của các dòng họ khác nhau, tránh hiện tượng độc tôn một tiếng nói và ý kiến của một dòng họ. Hội đồng già làng tự bầu người trưởng hội đồng. Qua đây sẽ tạo ra không khí thi đua giữa các dòng họ, các già làng đều thấy trách nhiệm của mình trước cộng đồng để xứng đáng với danh hiệu mà cộng đồng trao cho.

*Bản chất của Hội đồng già làng chính là sự kết hợp giữa tinh thần dân chủ với truyền thống văn hoá trong cộng đồng. Quay lại mối tương quan trong khái niệm Già làng; Khi đã xác định Già làng không phải là một cá nhân cụ thể mang tính chủ quan, mà là mối quan hệ của người lãnh đạo tinh thần với toàn thể cộng đồng, có thể thấy mô hình Hội đồng Già làng ở bản Kè thực sự đã giải quyết được tất cả mọi vướng mắc trong cộng đồng đối với vị trí này. Nó sẽ là một thực tế để đối chiếu và không cần đến bất kỳ một lời bình luận nào với mô hình các già làng được chỉ định, các già làng được Trẻ hoá ở một số nơi khác trước đây.*

Hội đồng già làng có quyền quyết định cao nhất đối với các hoạt động trong chương trình Ngôi nhà, như tổ chức họp nhân dân, quyết định thứ tự các gia đình được làm nhà, động viên sự tham gia của con cháu, phát hiện và giúp giải quyết các khó khăn, thắc mắc của các nhóm, xử lý các trường hợp vi phạm các quy chế cộng đồng. Thầy cúng của bản (ông Cao Ngụ) là thành viên của Hội đồng già

làng, chịu trách nhiệm xem ngày, giờ động thổ và khánh thành nhà, làm chủ lễ động thổ, khánh thành cho các gia đình.

Để hội đồng già làng có điều kiện thể hiện quyền lực của mình, các tổ (hay các nhóm) thực hiện chương trình Ngói hoá được thiết lập dựa trên khả năng, ý thích của các thành viên và nhu cầu công việc. Các ban, nhóm bao gồm: tổ chặt gỗ, tổ cưa, tổ kéo gỗ từ rừng về bản, tổ mộc, tổ dựng nhà, tổ hậu cần, dịch vụ... Cán bộ dự án hỗ trợ các tổ xây dựng và thực hiện theo quy chế của mình phù hợp với mục đích, chiến lược của chương trình.

*Cán bộ CIRD tư vấn thành lập Hội đồng già làng dựa trên các nghiên cứu kỹ về các mối quan hệ giữa các gia đình, dòng họ, vai trò, ảnh hưởng của các trưởng họ và các dòng họ trong bản. Hội đồng già làng bao gồm các già làng: Cao Ké, Cao Mai, Cao Ngụ, Cao Hải, Cao Tam, Cao Tuổi, là những đại diện cho các dòng họ trong bản Kè. Hội đồng già làng tự cử ra người đứng đầu (trưởng hội đồng). Với sự hỗ trợ, gợi mở của cán bộ dự án, Hội đồng già làng bàn bạc và thống nhất xây dựng một quy chế của hội đồng, trong đó nói rõ trách nhiệm của các thành viên trong giám sát, hỗ trợ các tổ thực thi, giải quyết các bức xúc trong cộng đồng. Quy chế cũng thể hiện được các biện pháp xử lý đối với già làng, trưởng bản, thanh niên trong các tổ thực thi nếu họ không hoàn thành trách nhiệm của mình.*

Để nâng cao nhận thức, ý thức cộng đồng giúp đỡ nhau làm nhà, đồng thời kịp thời động viên các thành viên, các cuộc tham quan mô hình giúp nhau làm nhà được tổ chức. Hội đồng già làng được mời tham dự các chuyên tham quan, trao đổi kinh nghiệm tổ chức cộng đồng giúp nhau làm nhà với các vùng, dân tộc khác. Các nhóm, tổ tự bình bầu ra các thành viên tích cực nhất được tham gia các cuộc tham quan. Các thành viên này ngoài thảo luận chủ đề ngói hoá có thể quan tâm đến kỹ thuật canh tác trên đất dốc, quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng, nước, thuốc nam. Các bài học kinh nghiệm và kế hoạch hành động, ứng dụng các bài học sẽ được thảo luận, xây dựng cho nhóm và từng cá nhân. Các già làng và đại diện các tổ tham gia các hội nghị sơ kết và hội thảo tổng kết hoạt động của Ngói hoá. Đại biểu từ các bản Mã Liềng khác và một số đại biểu các dân tộc khác ở miền Tây Quảng Bình cũng được mời tham dự các hội nghị này, để đáp ứng nhu cầu của đồng bào được chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Hội đồng già làng tập hợp được sức mạnh trí tuệ và tinh thần do có sự tham gia của các dòng họ khác nhau trong bản Kè. Không khí thi đua giữa các dòng họ

được tạo nên sẽ làm cho mọi người có trách nhiệm hơn đối với các công việc của cộng đồng. Có các tổ chức thì gồm những thanh niên là con cháu của các già làng. Tổ chức thì sẽ tạo ra môi trường tốt cho Hội đồng già làng thể hiện trí tuệ và quyền lực của mình khi các già làng tư vấn, truyền đạt kinh nghiệm, giúp xử lý các khó khăn, phân xử các vi phạm đối với thành viên của các tổ chức.

*Hội đồng già làng là khái niệm mới đối với người Mã Liềng nói chung và bản Kè nói riêng. Đây cũng là bước đi sáng tạo trong điều kiện có bức xúc về vai trò lãnh đạo tại bản Kè, nên có thể có những phản ứng phụ ngoài mong muốn, chưa nhìn thấy trước được. Thí dụ: sự phản ứng của già làng cũ đối với trưởng hội đồng già làng mới được bầu, hoặc kỷ cương chưa được thiết lập, một số thành viên các tổ chức thì làm việc theo nếp cũ, chưa chấp hành các quy chế khi Hội đồng già làng mới giữ trách nhiệm... Tuy vậy về lâu dài, với các bước đi tiếp theo nhằm đưa các quy chế vào cuộc sống thì những phản ứng như trên có thể được khắc phục bởi lực lượng tích cực trong cộng đồng.*

Tính chuyên nghiệp của chương trình Ngói hoá ngày càng được thể hiện. Chỉ thông qua một chương trình cụ thể như vậy, mỗi già làng, thanh niên, phụ nữ đều đã đảm đương trọn vẹn những phần việc của mình được giao để hoàn thành chương trình. Nhiều thanh niên trước đây hoàn toàn không quen với công việc cưa, đục, đẽo thì nay đã khá thành thạo những phần việc này và không cần có thợ kỹ thuật hỗ trợ, họ vẫn có thể đảm đương được. Các thành viên trong Hội đồng già làng càng ngày nắm được những vấn đề văn hoá truyền thống liên quan đến ngôi nhà, nên tích cực động viên con cháu tham gia và giao đúng người, đúng việc, đúng theo yêu cầu thực tiễn của chương trình sao cho hoạt động đem lại hiệu quả nhất. Đặc biệt là phụ nữ; trong chương trình Ngói hoá ở bản Kè, phụ nữ Mã Liềng đã tham gia nhiều công việc mặc dù rất khó khăn, vất vả như đi kéo gỗ, đào đất san nền nhà, cõng ngói qua sông... và đều hoàn thành tốt những công việc này. Công việc một ngày của người phụ nữ trong thời gian này thường là: *Sáng sớm dậy đi kéo gỗ, về cắt rau lợn và nấu ăn, chiều tối đi làm ruộng...* Công việc Ngói hoá cũng khiến cho đồng bào bận nhiều hơn trước, nhưng vui và gắn bó. Đó là điều lâu nay chưa hề thấy.

**Ông Phạm Minh Hiếu, nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện Tuyên Hoá, Trưởng ban quản lý các dự án Kinh tế miền núi huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đánh giá về chương trình Ngói hoá tại bản Kè:**

*Đây là một điển hình tốt về phương pháp tiếp cận, về tình cảm, về tính trách nhiệm, trí tuệ và lòng nhiệt huyết của cán bộ Trung tâm Nghiên cứu Kiến thức Bản địa và Phát triển – CIRD. Kết quả dự án đã từng bước khơi dậy được niềm tin, tính chủ động và sáng tạo trong cuộc sống của một tộc người đã có thời kỳ đứng trước bờ tuyệt chủng. Bộ mặt bản Kè đang từng bước khởi sắc, người dân trong bản đang tin và nỗ lực xây dựng cuộc sống mới. Các già làng của bản đang tích cực chia sẻ những kết quả mà họ tự tạo dựng được với các bản lân cận, với sự giúp đỡ của mạng lưới Nông dân nòng cốt 13 xã miền núi trong tỉnh Quảng Bình. Cần nhân rộng mô hình này ra nhiều thôn bản và nhiều địa phương khác để giúp đồng bào dân tộc ít người phát triển.*

Người dân bản Kè vui mừng thực sự khi tự làm được ngôi nhà cho mình đúng như mong muốn, khác với nhiều bản khác, cũng là Nhà nước hỗ trợ, nhưng khi người dân được tham gia ý kiến, được quyết định mô hình, cách làm và tham gia vào các hoạt động từ khi khởi công cho đến khi khánh thành và sử dụng, mọi ý kiến của họ được tôn trọng, lưu tâm thì sự tự tin sẽ được khuyến khích. Già Cao Mai phấn khởi nói: *Trước đây già không dám mơ có một ngôi nhà như thế này, nhưng giờ đã trở thành sự thực rồi.* Niềm vui đó của người dân bản Kè thật đáng chia sẻ; Nhưng với những người làm công tác phát triển cộng đồng của CIRD và cán bộ lãnh đạo địa phương thì còn có một niềm vui nữa, âm thầm, nhưng cũng không kém phần lớn lao. Đó là giữa những người dân trong cộng đồng không ai thắc mắc, chê trách lẫn nhau mà trái lại ngày càng gần gũi, giúp đỡ nhau nhiều hơn thông qua chương trình Ngói hoá...

Và đằng sau những ngôi nhà là cả một cuộc sống mới đang trỗi dậy, một niềm tin mới đang ngày càng được củng cố và lớn dần lên...

## **Những bài học về tiếp cận cộng đồng**

*Với triết lý hành động dựa trên nguyên tắc Tôn trọng tri thức và sự tham gia tối đa của người dân trong quá trình tự quyết định các vấn đề của cộng đồng. Mọi định hướng phát triển đều dựa trên nền tảng văn hoá và các quan niệm về giá trị của cộng đồng. Tạo cơ hội để người dân tự tổ chức các diễn đàn chia sẻ thông tin, vận động việc thực thi chính sách trong xoá đói giảm nghèo và phát triển cộng đồng; các Trung tâm TEW, CHESH, CIRD trong việc triển khai các*

*hoạt động của mình đều bắt đầu bằng một quá trình tiếp cận với cộng đồng để từ đó tìm ra các yếu tố thuộc về bản sắc văn hoá cũng như kinh nghiệm bản địa của các cộng đồng dân tộc. Trên cơ sở đó phát huy tối đa nội lực, quyền tự chủ cũng như sức sáng tạo của người dân trong các hoạt động tiếp theo. Các bước tiếp cận cộng đồng của TEW, CHESH, CIRD từ cả hai phía: Chính quyền sở tại (hệ thống chính thống) và cộng đồng dân tộc thiểu số (hệ thống truyền thống) trong quá trình triển khai các hoạt động xoá đói giảm nghèo không chỉ là chìa khoá để mở dần các bế tắc trong cách thức tiếp cận với người dân và chính quyền địa phương, giúp cho họ có cơ hội cùng với sự tự tin để cải thiện đời sống theo hướng phát triển một cách triệt để, cơ bản và bền vững mà vẫn bảo tồn được những giá trị văn hoá và tinh thần của mình; bên cạnh đó, đây còn là quá trình để chính những cán bộ của 3 trung tâm này tự đào tạo và bồi dưỡng kinh nghiệm để có đủ năng lực cũng như tư cách đạo đức tiếp tục làm việc với cộng đồng, góp phần duy trì sự đa dạng văn hoá của các dân tộc khác nhau.*

*Những bài viết dưới đây chính là những bài học về phương pháp tiếp cận cộng đồng, được rút ra sau những chuyến đi thực tế của bà Trần Thị Lành, người sáng lập của những trung tâm Nghiên cứu khoa học nói trên*

### ***Bài học từ câu chuyện cây lúa cao sản ở Quế Phong***

*“Thà chết đói còn hơn trồng lúa mới cao sản”. Già làng xã Nậm Nhón, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An đã thốt lên như vậy khi nghe tuyên truyền bỏ giống nếp nương trồng gạo cao sản...*

Trồng lúa cao sản là chủ trương của Chính phủ, xuất phát từ sự lo lắng cho bà con người Mông luôn phải chịu cảnh thiếu đói do canh tác chủ yếu bằng giống nếp nương có năng suất thấp. Ngoài ra cũng còn có ý kiến cho rằng ăn cơm nếp nắm bằng tay là phong tục lạc hậu, mất vệ sinh...

Nhiệm vụ tuyên truyền giống lúa mới năng suất cao tại xã Nậm Nhón thực sự là một nhiệm vụ vất vả, vì đồng bào Mông ở Nậm Nhón sống trong một vùng rừng cao và quá cách biệt. Sau hai ngày cuộc bộ liên tục, anh cán bộ tuyên truyền của Hội Nông dân mới tới được bản đầu tiên của xã. Vã mồ hôi hột, nhưng anh rất tự tin với một bài thuyết trình về giống lúa cao sản dự định sẽ trình bày trước bà con người Mông ở đây. Thế nhưng sau một hồi vận dụng hết khả năng giao tiếp của mình, bà con vẫn đứng đưng như nước lã. Sau mới biết thì hóa ra vì anh cán bộ nói bằng tiếng Thái, nên bà con chẳng hiểu gì. May có già làng trước đây có tham gia cách mạng, nên có thể nghe và hiểu được. Bất đắc dĩ phải làm nhiệm vụ phiên

dịch, già tuôn một tràng tiếng Mông. Anh cán bộ ngỡ ngác vì cảm nhận được sau lời nói của già, bà con từ già đến trẻ, từ phụ nữ đến đàn ông, đều tỏ ra không lấy gì làm sung sướng trên nét mặt như anh từng mong đợi, mà ngược lại, bà con tỏ ra đồng tình với những gì già làng của họ đang diễn thuyết sau đó. Còn tôi thì hồi hộp chờ đợi xem vị già làng đang nói với bà con điều gì!?

Già chậm rãi: Thà chết đói còn hơn trồng lúa mới cao sản...!

Tôi ngạc nhiên ngắt lời: Tại sao lại thế? Già cười: Nếp của chúng tôi vừa thơm, vừa đậm, ăn một lại muốn có hai, tại sao lại phải trồng cao sản? Nếu cán bộ bảo trồng cao sản, thà chết đói còn hơn.

Tôi ôn tồn giải thích: Nếu chúng ta tiếp tục ăn gạo nếp, ngon thì có, nhưng chúng ta vẫn giữ tập quán ăn bốc bằng tay ở thời nay thì lạc hậu lắm. Hơn nữa năng suất nếp nương thấp, không hoàn thành kế hoạch xóa đói giảm nghèo của Chính phủ!.

Già cố để hiểu những lời mà anh cán bộ đã nói lúc trước mà tôi đang nhắc lại, và giải thích lại cho bà con rõ. Nhưng e những từ ngữ mà anh cán bộ tuyên truyền nọ dùng vẫn toàn là những khái niệm còn quá xa lạ, khiến già không hiểu: *Xóa đói giảm nghèo là gì? Già thấy nó lạ cái tai!*

Sau đó già ôn tồn ngoảnh lại cười và kéo tôi ra một chỗ ngồi khác, thư thả uống và chậm rãi nói bằng tiếng phổ thông, tuy đã quên nhiều và phát âm không còn được rõ...

Xóa đói giảm nghèo là cái chi? Bản Nậm Nhóm của già từ xa xưa đến nay cuộc sống vẫn tự do và no đủ. Bà con trước đây nhọc lắm mới có được hôm nay. Tổ tiên truyền lại: Ở đây xưa rừng đẹp và nhiều thú, tổ tiên mình thích ở lại đây. Cán bộ có biết tại sao bản đặt tên của mình Nậm Nhóm không? Con sông, núi rừng đều có tên và tuổi. Con đường vào bản cũng thế thôi mà. Cái tên và cái tuổi của nó do ông bà tổ tiên đặt sẵn. Dân bản cứ thế mà gọi lúc cúng đơm, lễ tết và cầu Trời khấn Đất. Cái mảnh nương của già cũng có tên của nó. Mỗi khi có chuyện, dân bản tế lễ rú rừng, cái con ma cũng thích được gọi đúng tên mình. Xưa và nay thì cũng giống nhau thôi, người Mông mình luôn là người chịu khó đi xa, lên cao, vì người Mông mình nó yêu thương nhau, nó biết đoàn kết và đùm bọc nhau, biết bảo ban nhau, trẻ thì lắng nghe già, già thì tôn trọng trẻ, luật lệ rõ ràng, luật làng tươm tất, người nói có kẻ nghe, người chê có kẻ ngượng, người gượng có kẻ chê. Chỉ thế thôi mà rồi nhìn nhau đã hiểu ý nhau, xử sự với nhau khi đói cũng như khi no, khi lo cũng như khi nhàn rỗi, luôn bên nhau và cùng nhau tồn tại giữa núi

rừng hoang vu cách biệt thế này. Đi hai ngày đường mới đến mà không đoàn kết yêu thương nhau thì gay go lắm...

Đến đây tôi bắt đầu nhận ra nhiều điều. Già tiếp tục chậm rãi, tự tin:

Trông gạo cao sản là gì, cái tai của bà con nghe nó lạ. Cán bộ nói, trông để chống đói, và ăn gạo cao sản vẫn minh hơn, bà con không hiểu. Dân bản ở đây nó khác với cái cán bộ nói đấy. Già và bà con không đói đâu, nếp nương ăn cả ngày, ngày nào cũng ăn, vẫn thích ăn vì cái nếp nương của bản thơm ngon cán bộ ạ. Cán bộ dưới xuôi lên ai cũng thích mang về.

Bà con người Mông đã cùng thời gian và rừng rú tạo dựng niềm tin và phong tục, hàng năm dân bản tế lễ thờ thần rú rừng, sông suối, trời và đất. Khi thờ tự, dân bản chỉ dùng nếp nương của mình thôi mà. Nó sạch sẽ, nó không ăn những thứ nhớp nhúa ở ngoài, mình thích thì tổ tiên và thần rú rừng cũng thích anh cán bộ ạ.

Trước khi đi nương, đi rừng, bà con thường không quên những thủ tục xin phép thần thánh ở nơi đây, người đã bảo vệ cho sự sống bình yên vô sự của bà con, để tỏ lòng tôn thờ và ngưỡng mộ thiên nhiên. Những tục truyền đó, hàng năm già và bà con đã cùng nhau quy ước và cam kết tự nguyện với nhau tiếp tục truyền cho đời sau những hành vi ứng xử với thiên nhiên sao cho phải đạo. Bà con gọi những cam kết mang tính truyền kiếp này là luật tục của người Mông.

*Lễ Nào Sòng là một ví dụ. Hàng năm, khi con cháu trong bản có sự ứng xử không thuận với thiên nhiên, các trưởng họ sẽ ngồi lại với nhau bàn bạc, tìm cách để thuyết phục, giáo dục. Khi câu chuyện trở nên phức tạp, các trưởng họ sẽ trao đổi cận kề với già làng để có hướng giải quyết. Già làng là người có tiếng nói quyết định cuối cùng trong làng, bởi vì luật độc quyền và luật quy định chuẩn mực của già làng rất cởi mở. Già làng là người có thể liên hệ với những vị thần linh thiêng, là người được trân trọng do cả làng bầu ra. Khi bản làng có nhiều chuyện không hay xảy ra, già làng thông báo cho già bản khác cùng nhau bàn bạc để tháo gỡ. Những khi cần, hội đồng già làng sẽ họp để quyết định ngày lễ Nào Sòng. Đến ngày này, cả làng, đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ đều mặc những bộ trang phục đẹp nhất đến dự. Lễ Nào Sòng là ngày hội hàng năm bàn về chuẩn mực, đạo đức, hành vi, bàn về chủ trương, chính sách mới của Nhà nước, bàn về giáo dục truyền thống tại các bản làng, bàn về chuyện tương lai của các con cháu.*



*Trong ngày lễ Nào Sòng, con cháu tha hồ được thể hiện tâm tư nguyện vọng, kể cả thổ lộ tình yêu thầm kín riêng. Hội đồng già làng sau khi quan sát, lắng nghe, phân tích sẽ có những quyết định cuối cùng. Quyết định có thể là một bài giảng khá dài cho con cháu hiểu thêm về những truyền thống đẹp. Quyết định có thể là những câu chuyện kể về lịch sử đấu tranh của cha ông chống chọi với thiên nhiên thú dữ, Quyết định có thể là những kinh nghiệm kể về sự khôn ngoan trong ứng xử với bên ngoài. Quyết định có thể là chia sẻ thành công trong những chuyện tày đình của bên ngoài áp đặt, đã được hội đồng các già đứng ra xử lý trong quá khứ. Thường những lúc giảng giải trong lễ hội Nào Sòng, con cháu im lặng, nuốt từng câu, từng lời.*

*Tại lễ hội Nào Sòng, hội đồng già làng quyết định ban bố hệ thống luật tục đã sửa đổi sẽ được áp dụng trong năm tới phù hợp với tâm tư, nguyện vọng và các dự đoán do các áp lực có thể xảy ra từ bên ngoài. Nghe xong, cả bản làng nhảy múa, ném còn thể hiện niềm hạnh phúc và lòng quyết tâm trước thách thức mới của phong tục có sửa đổi và hoàn thiện vừa được ban hành của cả làng.*

Già làng xã Nậm Nhóm khi đó đã 76 tuổi, vẫn canh rẫy, săn thú và đi thăm bà con ở các bản khác, mỗi lần đi mất hàng ngày đường đi bộ. Khi được hỏi già đi bằng cách nào khi trời tối giữa rừng, Già cười thản nhiên: Già có đèn ở trong đầu. Ánh sáng ở trong đầu chiếu ra qua mắt, và thế là tự nhiên mình nhìn thấy con đường đi trong rừng. Mưa cũng như nắng, sáng cũng như tối, già đã đi là đến...

Nghe đến đây, anh cán bộ vừa bàng hoàng vừa suy tư: cần xem lại chuyến đi tuyên truyền của chính mình...Già làng nhìn anh cán bộ như muốn nói: Không sao cả, già sẽ cảm thông và sẽ có bài giải giúp anh...

Anh cán bộ quyết định không tiếp tục cuộc hành trình tuyên truyền nữa. Già làng mời anh ở lại dùng cơm. Trong bữa cơm đạm bạc, thân thiện, anh cán bộ tâm sự: Thực tình anh cũng đã có nhiều bài học về câu chuyện cao sản: Mía cao sản, ngô cao sản, lúa cao sản.... Thứ gì cũng là cao sản cả. Nhưng đến đây thì anh mới hiểu thêm nhiều điều từ những thứ không phải là "cao sản"...

\* \* \*

Một năm trôi qua, anh cán bộ nọ không còn tiếp tục công việc tuyên truyền của mình nữa. Một chị cán bộ khuyến nông khác xuất hiện tại bản Nậm Nhón, và thế là câu chuyện lúa cao sản đã trở thành hiện thực. Một nửa đất nương của bà con

dân bản buộc phải chấp nhận cho lúa cao sản có chỗ đứng ở đây. Nửa còn lại, bà con vẫn tiếp tục với giống nếp nương truyền thống của mình, như vẫn duy trì một nền văn minh lúa nếp trên nương với giống địa phương đã có từ lâu đời...

Khi tôi quay trở lại, cũng là lúc câu chuyện về cây lúa cao sản ở Nậm Nhón đã trở nên quá rõ ràng. Một nhóm phụ nữ vừa nói vừa khua tay, nheo mắt tự tin, cõi mở. Già làng dịch lại, hóa ra các chị đang nói về tiến trình trồng lúa cao sản do chính các chị thực hiện. Đó chính là những ví dụ thực tế so sánh lợi ích, chi phí, giá cả, ngày công, chất lượng, khả năng chịu đựng trước các điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên, thời gian chăm sóc giữa hai giống lúa nếp truyền thống của bà con và giống lúa cao sản của khuyến nông. Nhiều người không dấu vẻ bất bình trong khi kể. Một chị nói như muốn khóc: *Trồng lúa cao sản, vợ chồng tôi áy náy và băn khoăn vì chúng tôi đã phải bỏ lễ cúng thần rừng, tạ lễ già làng. Lúa cao sản ăn nhiều thuốc, nhiều phân độc hại của thời này, khiến gia đình tôi không thể tạ lễ trời đất, vợ chồng tôi cảm thấy mình có lỗi với già làng, có lỗi con ma rú rừng và có lỗi với trời đất. Không những thế, vì trồng lúa cao sản, chồng tôi phải đi chợ mua phân bón và thuốc trừ sâu, thế nhưng lại dùng hết số tiền đó để uống rượu đến nổi say và bị ngã, thế là gia đình xảy ra chuyện không vui, các con tôi cũng buồn... Nếu vợ chồng tôi vẫn trồng nếp nương như các gia đình khác thì đâu đến nỗi ...*

Nghe câu chuyện của những người phụ nữ, tự nhiên trong tôi lại thấy văng vẳng câu nói: *Thà chết đói còn hơn trồng lúa mới cao sản* của già làng cách đây một năm, khi tôi chân ướt chân ráo đến đây. Câu chuyện của một năm qua khiến tôi cảm thấy day dứt mãi, và bỗng nhiên tôi thấy tự trách mình...

*Một chính sách hay, nhưng không xuất phát từ thực tiễn của đời sống cộng đồng đã để lại hậu quả khó lường, đó là chưa nói đến việc chính sách đó lại xuất phát từ một quan điểm, một nền tảng văn hoá khác.*

*Già làng có thể sẵn sàng cảm thông với nhiệm vụ và thiện chí của anh cán bộ khi đem cây lúa cao sản giống mới đến cho bà con Nậm Nhón. Tuy nhiên vấn đề ở đây không chỉ đơn thuần là người dân cần có một giống lúa mới cho năng suất cao, mà còn là cả một nền tảng văn hoá và tín ngưỡng bên trong tập quán canh tác của họ nữa nữa. Chính vì vậy mà cuối cùng người Mông ở Nậm Nhón vẫn duy trì cây lúa nếp nương, như duy trì một niềm tin, tín ngưỡng và những giá trị văn hoá của dân tộc Mông trên núi cao, như một truyền thống tốt đẹp ở đây vậy.*

*Vận động giành toàn bộ diện tích đất trồng lúa cao sản là đi ngược lại tâm niệm, niềm tin, phong tục và lễ giáo của cộng đồng trong quan niệm về tâm linh với trời, với đất, với thiên nhiên, với già làng, với cộng đồng và với cả chính tâm tư đích thực của người cán bộ làm công tác tuyên truyền, khi họ đã nhìn ra bản chất của vấn đề...*

**“Con đường thứ hai là con đường vô dụng, chúng tôi không theo đâu!”**

*Già Vừ Lao Lệnh (Bản Ôn Ốc, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La) đã phát biểu tại toạ đàm mạng lưới thuốc nam miền Bắc từ ngày 13 – 15/3/2006 tại xã Sơn Kim, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh.*

Buổi toạ đàm về câu chuyện thuốc nam giữa các già người Mông, người Thái, người Dao, người Sách, người Khùa đã đến đỉnh điểm. Thân phận cây thuốc nam sẽ như thế nào, tương lai của nó sẽ đi đến đâu khi các già ngồi đây đã ngấp nghé tuổi thất thập. Đứng bên cạnh cái bàn tròn đó, tôi cố gắng chăm chú dõi theo từng cử chỉ, từng giọng nói của các già để bù vào cái vốn ngôn ngữ tiếng Mông, tiếng Dao vốn rất ít ỏi của mình. Bỗng dưng mọi người đứng hẳn dậy, hai tay giơ lên chỉ về phía đằng trước. Nơi đó là những đỉnh núi của rừng Hương Sơn. Hiểu được cuộc chia sẻ đang đến hồi gay cấn, đang bức xúc biết nhường nào, tôi vội lấy một tờ giấy khổ A0 cùng hai chiếc bút và bắt đầu vẽ và lên đó những gì mình đang cảm nhận được...

Tôi cảm thấy như các già đang nói:

1. Số phận cây thuốc nam của chúng ta sẽ ra sao?
2. Tương lai của nó như thế nào khi những người già trong bản già chết đi?
3. Chỗ đứng của cây thuốc là ở chỗ nào?

Lặng đi một lúc, tôi bắt đầu vẽ.

Loại bút dạ màu đỏ tôi vẽ ba con đường:

*Con đường thứ nhất:* Cứ để cho cây thuốc nam hàng ngày ra đi, đi đâu, đi để làm gì, ai sẽ sử dụng nó, trước khi sử dụng cây thuốc nam, người ta có biết thấp

hương xin phép cây thuốc nam như các già đã từng theo phong tục sử dụng cây thuốc nam không?!

*Con đường thứ hai:* Mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng chỉ biết tự chữa bệnh và tự duy trì nghề thuốc nam, không cần thiết phải chia sẻ cho nhau?!

*Con đường thứ ba:* Chia sẻ cùng nhau giữa các dân tộc, cùng nhau tìm giải pháp để trả lời 3 câu hỏi của các già, tiếp tục đào tạo các cháu trong cộng đồng thông qua các vườn thuốc gia đình, vườn thuốc cộng đồng tại các bản làng?!

Loại bút dạ màu xanh tôi viết về những gì mà các già đang say sưa thảo luận. Cách nói của người vùng cao rất mộc mạc, nhưng lại rất sâu sa và nhiều ví dụ...

Già Vừ Lao Lệnh kể: “Năm 1998 mình đi sang Thái Lan, gặp một cây thuốc có củ, bạn Mông ở đây dùng làm thuốc cai nghiện. Mình mang về Ôn Ốc trồng trong một hốc đá. Sau đó nó lớn lên, có cái củ cho mình. Mình xin phép nó cho mình đi chữa bệnh cho người. Thế là tính đến nay mình đã chữa được hơn 100 người bị nghiện, cai được rồi. Thế là ông Tráng Lao Lử ở bên xã Lao Khô (Lào) nó biết cái củ này chữa được cai nghiện, nó đi xe máy sang bản mình, xin cho mang về trồng và nay có củ, nó cũng chữa cai nghiện, nó báo cho mình biết là cái củ đó cũng cho nó chữa khỏi nghiện....”.

Đến gần 12.00 trưa. Chúng tôi đành phải thưa chuyện với các già dùng để ăn trưa. Trước khi nghỉ, tôi xin phép các già tóm lại mấy câu như đã kể. Tôi đưa tờ giấy vẽ 3 con đường bằng bút dạ màu đỏ chia sẻ cùng các già. Nhìn tờ giấy tôi vẽ, già Vừ Lao Lệnh đứng bật dậy và nói: Tôi xin được đặt tên cho ba con đường mà chị đã vẽ trên kia:

*Con đường thứ nhất,* tôi đặt cho nó cái tên là con đường *bảo thủ*. Chúng tôi cương quyết không đi theo!.

*Con đường thứ hai,* tôi đặt cho nó cái tên là con đường *vô dụng*. Chúng tôi không cần đi trên con đường đó!

*Con đường thứ ba,* tôi nói đó là con đường *cộng đồng*. Chúng tôi sẽ đi trên con đường này!.

Cả hội trường hơn 100 già từ 6 tỉnh trong cả nước có mặt trong buổi toạ đàm này, có cả thanh niên và lãnh đạo chính quyền các địa phương nơi các già đang sống, cười ồ lên tán thưởng. Những nụ cười làm sáng ngời trên đôi mắt, trên khuôn mặt

các già, trên cả những đôi môi ăn trầu đỏ như màu cánh kiến và hàm răng đen bóng của già Nhất, già Tuyên (người Thái ở Hạnh Dịch, Nghệ An)... Còn tôi thì ngỡ ngàng trước những cái tên mang đầy ý nghĩa này. Bắt đầu nghiên cứu về người Mông từ nhiều năm nay. Từ bấy đến nay, tôi vẫn luôn tâm đắc về lý của người Mông, nghe lâu, ngẫm lâu, hiểu sâu và bị thuyết phục. Vậy mà hôm nay, sau khi nghe già Vừ Lao Lệnh đặt tên cho ba con đường, tôi vẫn cảm thấy đang rạo rục một niềm tin như vừa mới lần đầu!./.

*Chỉ chia sẻ với nhau trong cộng đồng là con đường vô dụng. Chia sẻ với nhau giữa các cộng đồng, giữa các dân tộc là con đường cộng đồng. Nghe và ngẫm một lúc lâu, tôi chợt nhớ câu già nói như một tuyên ngôn: “chị không đặt tên cho con đường thứ ba – tôi đặt cho nó cái tên – con đường cộng đồng. Chúng tôi sẽ đi trên con đường này. Đi trên con đường này sẽ khó khăn, nhưng tôi sẽ quyết tâm đi đến đích, bởi vì chỉ có đi trên con đường này, cây thuốc nam và chúng tôi mới luôn được ở bên nhau. Cũng chỉ có đi trên con đường này, chúng tôi mới giáo dục được con cháu tiếp tục thờ phụng vị thần thuốc nam, bảo vệ được cây thuốc nam của mình”!*

*Câu chuyện kể về cái "củ cai nghiện" đưa từ người Mông ở Thái Lan về, rồi lại được gây giống và chữa bệnh cho người ở Lao Khô (một bản người Việt trên đất Lào) gợi cho tôi đang liên tưởng rằng các già là những bậc tử tế cuối cùng trên các ngõ hẻm chốn rừng xanh. Nơi đó nhà thơ Hoàng Trung Thông đã cảm nhận “Hồn Tổ quốc ngự nơi rừng sâu thẳm, rừng suy tàn Tổ quốc suy vong...”. Các già đang thăm lặng nghĩ và suy; Lo và xót xa cho số phận cây thuốc nam đang lần lượt ra đi theo các toa hàng. Đi đâu, về đâu, cây thuốc nam có được người ta xin phép, thấp nén hương thơm tạ lễ với thần thuốc nam trước khi sử dụng hay không?... các già không biết được. Chỉ biết họ đưa đi từng đoàn xe nối đuôi nhau. Cây thuốc nam không kịp ngoảnh lại chào các già, các già không có nổi một cơ hội chạm vào cây thuốc của mình trước lúc chia ly, chưa kể để ôm cây vào lòng, để thủ thủ với cây một đôi điều ngậm ngùi, đau đớn. Các già, những vị lãnh tụ cộng đồng chốn rừng xanh cuối cùng, ở tuổi thất thập, đang âm thầm mà còn hơn lửa cháy tiết gió Lào ở đất Hương Sơn.*

*Số phận cây thuốc nam, tương lai cây thuốc nam, chỗ đứng của cây thuốc nam, ba câu hỏi của các già đang đặt như một chiến lược cấp bách và ưu tiên cho cả Quốc gia. Đành rằng các già khẳng định tự tin và khẳng khái tại toạ đàm rằng sẽ đi trên con đường thứ ba, con đường cộng đồng...*

*Không thể tưởng tượng được rằng các già ở chốn rừng xanh lại dự đoán, lại có những bài toán lường trước cuộc hành trình từ phương Tây về phương Đông của một số công ty thương mại sinh học tài đến thế. Và cũng ở chốn này, các già đang dõi theo cây thuốc nam từ già ra đi không có lấy một tờ giấy thông hành của bất cứ một chính quyền nào, kể cả cấp thấp nhất. Già Lệnh cười rất tươi và trao vào tay tôi một tờ giấy già vừa viết trên bực cầu thang của toà nhà và nói: Tôi có thể chết, nhưng hương hồn và thân thuốc nam vẫn sống mãi với rừng Nam chị ạ!*

### ***Mình phải đi tìm nguyên nhân tại sao?***

Anh Giàng Seo Hảng, Người Mông ở bản Xin, Xã Quan Thần Sán, Huyện Simacai, Tỉnh Lào Cai cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu nói đó với tôi trong buổi tối hôm ấy, một buổi tối trong chuyến công tác của chúng tôi đến bản Xin của anh. Khi ấy, đoàn đã ra về cả, chỉ còn lại mình tôi ngồi lại tâm sự với anh trong căn nhà của anh. Vốn tiếng Việt của anh không nhiều, nói cũng chưa rõ, nhưng dù vậy, qua thái độ và sự tâm huyết của anh thể hiện trong giọng nói, tôi vẫn cảm nhận được và hiểu anh đang muốn nói gì, tìm gì...

"Mình phải đi tìm nguyên nhân chị Lành ạ!" Hình như có một điều gì đó âm thầm mà đầy nuối tiếc đang dấy lên trong anh, khiến anh cứ nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần câu nói đó. Tôi có cảm giác rằng nhiều lúc không phải anh đang nói với tôi, mà đang tự nói với chính mình... Người Mông vốn mến khách, mỗi khi có khách là lại một dịp để họ thổ lộ, bộc bạch nỗi lòng mình...

Trước đó, trong câu chuyện về rượu ngô Bắc Hà, thứ rượu trứ danh chỉ có thể nấu được trên vùng núi đá cao nguyên thuộc địa phận 2 huyện Bắc Hà và Simacai này, anh đã phân tích cho tôi nghe về cái ngon, cái độc đáo đến mức đã trở thành bản sắc của nó. Không phải chỉ có ngô, có nguồn nước, có sự ưu ái của khí hậu và sự nồng nhiệt của người Mông mà thành được rượu ngô Bắc Hà, mà cần phải có thêm một thứ rất đặc biệt nữa, đó là men Pà, một loại cây bản địa chỉ có ở vùng này. Người Mông đã biết chọn loại cây này làm men để nấu rượu từ rất lâu rồi. Rượu nấu bằng men Pà có thể uống đến say mềm nhưng không bao giờ đau đầu. Say, nằm ngủ và đến khi tỉnh dậy lại có thể uống tiếp ngay được...

Thế nhưng bây giờ người Mông không dùng men Pà để nấu rượu nữa. Theo anh Hảng, thì bởi 3 lý do: Thứ nhất là dùng men Tàu (của Trung Quốc đưa vào) và men xuôi (do người Kinh đưa từ dưới xuôi lên bán) nấu rượu vừa thuận tiện lại

vừa rẻ. Thứ hai là men Tàu và men xuôi nấu trội rượu hơn men Pà. Nếu như trước đây nấu bằng men Pà một nôi 40 kg ngô chỉ lấy được 10 lít rượu, thì bây giờ nấu bằng men Tàu hoặc men xuôi có thể được tới 15, thậm chí là 18 lít rượu. Và lý do thứ ba là tron khi đó giá của rượu nấu bằng men Tàu và men xuôi không khác gì so với nấu bằng men Pà, cũng vào khoảng 7.000 đồng một lít. Thế là dần dần men Tàu và men xuôi đã thay thế cho men Pà trong món rượu ngô vẫn từng ngọt lịm và trong vắt của quê anh...

Anh say sưa kể cho tôi nghe câu chuyện về rượu Ngô Bắc Hà, về các giống ngô được mang từ nơi khác đến, về việc người Mông thích chọn giống ngô nào để về nấu rượu và nấu bằng men nào để có thể uống cả ngày, uống đến lã quay ra say mà vẫn không bị mệt... Kể xong câu chuyện, anh tặc lưỡi: thật là tiếc chị Lành ạ!. Vừa cười tươi, vừa nói chuyện, anh vừa đứng dậy đi vào trong nhà, một lúc sau, anh cầm trong tay một cục màu trắng gần bằng quả trứng gà, anh nói: "chị Lành xem, đây là men *Pà Cái* của mình đây. Mình vẫn cất nó và vẫn duy trì nó để gây men khi cái lạnh đi qua, nắng ấm quay trở lại. Mình vẫn tiếp tục lấy hạt Pà từ Bản Phố Bắc Hà, vẫn gieo lên nương ngô trắng của mình cả ngô trắng và cả hạt Pà để tiếp tục gây men Pà đấy. Cái này quý lắm, mình phải cất cẩn thận, vì cái này là để giữ giống men Pà mà!.."

Tôi đã hiểu thõm phần nào những gì sâu thẳm đằng sau câu chuyện của anh khi được chứng kiến sự nâng nui trân trọng của anh đối với *Pà cái* của mình. Không đơn giản chỉ là chuyện rượu...

Quê anh Giàng Seo Hảng là một vùng núi rừng trùng điệp, cách không xa thị trấn Bắc Hà. Chỉ khoảng khoảng gần một giờ đồng hồ đi bằng ô tô (Lưu ý là ô tô đi đường núi, chứ không phải đường miền xuôi), và cũng gần cả người Mông Trung quốc nữa. Cách đây khoảng hơn 20 năm, anh và mẹ vẫn thường sang Trung quốc, đi bộ sang bên đó chỉ khoảng 3 giờ đồng hồ, để trao đổi đồ dùng và thức ăn. Anh còn nhớ một lần mẹ anh đã xin ở bản Mông bên Trung Quốc một ếp hạt ngô trắng, đem về gieo lên nương. Giống ngô trắng ấy đến bây giờ đã trở thành giống ngô phổ biến ở vùng này. Giống ngô trắng này ăn ngon, để giống lâu và không bị sâu mọt. Tôi đã đến tất cả là 4 gia đình ở bản Xin, ban đêm có ánh điện, những dàn ngô trắng được xếp tầng lớp gọn và đẹp, nhà nào cũng đầy cả một góc chạn, nhìn thật ấm cúng và yên tâm. Cảm giác ăn xôi ở thì không hề xuất hiện trong tôi khi ngược nhìn lên những căn gác chạn như thế....

Đã nhiều lần Khuyến nông Huyện phổ cập giống ngô Bioseed hoặc ngô cao sản vào đây, nhưng rồi chỉ sau một vài vụ, bà con người Mông lại đành từ bỏ vì các giống ngô cao sản ăn không ngon, bảo quản khó, chỉ dùng để bán hoặc chế biến

thức ăn cho gia súc. Giống ngô trắng vẫn được bà con sử dụng chủ yếu, ăn cũng được mà nấu rượu cũng ngon hơn các giống ngô cao sản khác. Chính vì vậy mà hiện nay bà con người Mông ở đây đã coi đó là giống ngô địa phương.

Xuýt xoa mới vì không cùn nấu rượu bằng men Pà, điều anh nhắc đi nhắc lại nhiều lần là men Tàu và men Xuôi ai uống lâu cũng đau đầu. Trong cách thể hiện của anh Giàng Seo Hảng, tôi cảm nhận anh đang có điều gì băn khoăn trăn trở với rượu Ngô Bắc Hà. “Phải đi tìm nguyên nhân chị Lành ạ”. Có lẽ đây là câu nói anh muốn thổ lộ điều này...

*Nỗi day dứt trong anh là sức khoẻ của mọi người đang uống rượu nấu bằng men Tàu và men xuôi, là cây Pà bản anh đang bị quên dần, là nguồn trí tuệ của cộng đồng Mông, hiểu biết và sử dụng cây Pà gây men theo kinh nghiệm truyền thống của mình đang dần không còn được dùng đến nữa... Anh lo nhiều chuyện, trong đó có lẽ anh lo cho cả những nét đẹp văn hoá truyền thống về rượu ngô Bắc Hà cũng sẽ bị phai nhạt theo thời gian, hoặc bị méo mó bởi sự ngược đãi của thị trường mà bản thân anh không biết làm sao ngăn cản được. Nỗi lo này đang cần một sự đồng cảm, với anh cũng chính là với cộng đồng của anh, để sao cho tất cả những điều đó, cũng như thiên nhiên với những phong tục đẹp đẽ, những phong tục mà tôi vừa chứng kiến, được thể hiện rất hồn nhiên mà sâu đậm qua một đêm ngắn ngủi bên bếp lửa mùa Đông, trong căn nhà ấm cúng và đậm bạc tại bản Xin quê anh sẽ mãi mãi tiếp tục đơm hoa kết trái trên đất Simacai này.*